

Bản án số: 85/2021/HS-ST  
Ngày 30/ 9/ 2021;

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- THÀNH PHỐ H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Th ;

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Kiều Đức N ;

Ông Nguyễn Hữu H i;

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh, Thư ký, Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành N - Kiểm sát Viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/20021/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64 /2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 20021 đối với các bị cáo:

**1. Kiều C Q**, sinh năm 1994, tại huyện T, Thành phố H; nơi cư trú: Sỏ Toi, xã Y, huyện T, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Kiều Bá H, sinh năm 1955; con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 04/8/2020 tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. Danh chỉ bản số 195 do Công an huyện T lập ngày 05/8/2020. Có mặt.

**2. Kiều Thị Phương Th**, sinh năm 1985, tại huyện T, Thành phố H; nơi cư trú: Xóm Mon, xã T, thành phố H, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Con ông Kiều Bá H, sinh năm 1955; con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958; chồng: Nguyễn Mỹ H , sinh năm 1982, con: 02 (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2010); Tiền án: Không, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày

04/8/2020 tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. Danh chỉ bản số 197 do Công an huyện T lập ngày 5/8/2020. Có mặt.

***\*Người bào chữa cho bị cáo Kiều C Q và Kiều Thị Phương Th:***

1. Ông Hoàng Trọng C , sinh năm 1954 – Luật sư, Công ty luật TNHH TGS, Đoàn luật sư thành phố H. có mặt;

Thẻ luật sư số: 8768/LS, cấp ngày 18/3/2014, nơi cấp: Liên đoàn luật sư Việt Nam;

2. Ông Nguyễn Đức H , sinh năm 1984 – Luật sư, Công ty luật TNHH TGS, Đoàn luật sư thành phố H. vắng mặt;

Thẻ luật sư số: 12015/LS, cấp ngày 22/5/2017, nơi cấp: Liên đoàn luật sư Việt Nam;

**3. Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1976, tại huyện T, Thành phố H; nơi cư trú: Thôn 6, xã Đ, huyện T, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Khắc L , sinh năm 1952; con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; Vợ: Khuất Thị H, sinh năm 1984 (đã ly hôn), con: 02 (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 04/8/2020 đến nay tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. Danh chỉ bản số 109 do Công an huyện T lập ngày 18/3/2019. Có mặt.

***\*Bị hại:*** Anh Phùn Và Q1, sinh năm 1998; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Khe Mười, xã Đ, huyện T, tỉnh Q;

***\*Người làm chứng:***

1. Chị La Thị Bé V, sinh ngày 27/2/2004; vắng mặt;

Người giám hộ: Ông La Văn N (Bố đẻ V)

Trú tại: Ấp Trà Ban 1, xã Châu Hưng A, huyện V, tỉnh B;

2. Anh Lê Văn N, sinh năm 1988; vắng mặt;

3. Anh Bé Văn H, sinh năm 1994; vắng mặt;

Trú tại: Số 39, phố Bắc Sơn, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Q;

4. Anh Kiều Q C sinh năm 1991; có mặt;

Trú tại: Thôn Sỏ Toi, xã Y, huyện T, thành phố H;

5. Anh Đỗ Văn Ú, sinh năm 1969; vắng mặt;

Trú tại: Thôn 10, xã T, huyện T, thành phố H;

6. Chị Đặng Thị H, sinh năm 1971; vắng mặt;

Trú tại: Thôn 2, xã T, huyện T, Thành phố H;

7. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; vắng mặt;

Tru tại: Tổ Dân phố T, thị trấn M, huyện M, tỉnh N;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kiều Q C (SN 1991, HKTT: thôn Sồ Tơi- xã Y- T- H) làm chủ Quán Karaoke “Sands” tại thôn 2- xã T- huyện T- TP H. C giao cho chị gái của C là Kiều Thị Phương Th (SN 1985, HKTT: xóm Mom- xã T- TP H- tỉnh H) và em trai của C là Kiều C Q (SN 1994, HKTT: thôn Sồ Tơi- xã Y- huyện T- TP H) cùng nhau quản lý quán.

Khoảng ngày 23/7/2020 chị L (chưa xác định được họ và năm sinh, khoảng hơn 20 tuổi) tới gặp Th xin làm nhân Viên phục vụ quán. Th đồng ý. Quá trình làm tại đây, L vay Th số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Đến ngày 31/7/2020 L bỏ đi khỏi quán hát và chưa trả hết nợ cho Th. Đến khoảng 19 giờ, ngày 31/7/2020 La Thị Bé V (sinh ngày 27/02/2004, HKTT: ấp Trà Ban 1- xã Châu Hưng A- huyện Vĩnh Lợi- tỉnh Bạc Liêu) đang là nhân Viên phục vụ tại quán hát Sands cũng xin nghỉ làm để về quê. Q và Th nghi ngờ V và L rủ nhau trốn khỏi quán nên đã đề nghị V ở lại tiếp tục làm Việc đến khi gọi được L quay lại quán. Do bị Q và Th hỏi và muốn được về quê nên V nói cho Q và Th biết Việc Phùn Và Q1 (SN 1998, HKTT: thôn Khe Mười- xã Đ- huyện T- tỉnh Q, là bạn của L và V) đã rủ L và V về làm nhân Viên phục vụ phòng hát cho Q1. Th và Q cho rằng Q1 là người đã đưa L trốn khỏi quán của mình nên bàn bạc và ép V lừa hẹn Q1 tới nhà nghỉ “Tuần Tú” (tại thôn 2- xã T- huyện T- TP H) để bắt giữ Q1. Th yêu cầu V nhắn tin cho Q1 và hẹn Q1 đón tại nhà nghỉ Tuần Tú.

Khoảng 19 giờ ngày 02/8/2020, Phùn Và Q1 gọi điện cho V nói đang tới đón V. V thông báo cho Kiều C Q và Kiều Thị Phương Th biết. Q rủ Nguyễn Ngọc S (SN 1976, HKTT: thôn 6 - xã Đại Đồng- huyện T- TP H, là anh họ của Q) cùng Th tới nhà nghỉ “Tuần Tú” để bắt Q1, S đồng ý. Sau đó, Q tới nhà nghỉ “Tuần Tú” thuê phòng 204 và 203 rồi bảo V và Th vào phòng 204, S vào phòng 203, sau đó Q quay về quán hát lấy 01 đoạn tuýp dài khoảng 01 mét, đường kính khoảng 02cm rồi quay lại ngồi ở cửa hàng tạp hóa cạnh nhà nghỉ “Tuần Tú”. Q gọi điện và nói với anh trai Kiều Q C với nội dung: “thằng đưa con L đi đang đến đón con V, em đang chờ nó đến để nói chuyện”, C liền nói: “ừ, giờ anh về”. Đến khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, Q1 đến nhà nghỉ “Tuần Tú” gọi điện cho V trả phòng để đi cùng Q1. V thông báo cho Th biết. Th báo cho Q biết rồi gọi S và cùng V, S đi xuống quầy lễ tân. Q đi vào quầy lễ tân gặp Q1. Q nói với Q1: “mày đi đến đón con V phải không”, Q1 trả lời: “không” thì Q dùng tay nắm 01 phát vào mang tai bên phải Q1 và dùng tuýp vút 01 phát trúng lưng Q1. S, Th và V đi từ tầng 2 của

nhà nghỉ xuống, Th và S có lấy tuýp sắt từ tay Q ném đi chỗ khác; lúc này Q vẫn hỏi Q1 “mày đến đưa con L đi phải không” thì Q1 vẫn nói “không” thì S liền lao tới đâm 01 phát vào bụng Q1, Q1 dùng hai tay đỡ lại. Lúc này điện thoại của Q1 có cuộc gọi đến. Q1 lấy điện thoại ra định nghe thì Q nói: “*tắt máy, đưa điện thoại đây*”, Q1 dứt điện thoại vào túi quần và dùng hai tay giữ miệng túi lại, Th liền nói: “*đưa điện thoại của mày đây thì chị bảo các anh không đánh*”. Q1 vẫn không đưa điện thoại ra thì Q liền chửi Q1: “*Đ.. mẹ mày, có đưa không, hay lại muốn tao đánh tiếp*”. Q1 hoảng sợ nên rút điện thoại ra, Q giật chiếc điện thoại trên tay Q1 và đưa cho Th. Thấy hai bên xô sát đánh nhau thì anh Đỗ Văn Úy - Chủ nhà nghỉ “Tuấn Tú” bảo mọi người đi chỗ khác nên Th và Q bảo Q1 đi về quán “Sands” nói chuyện. Q1 đã đi theo về quán “Sands” cách đó khoảng 50 mét. Về đến quán “Sands” khoảng 21 giờ cùng ngày Q1, Q, Th, S ngồi ở bàn đá ở ngoài sân gần cổng quán “Sands” nói chuyện được khoảng mấy phút thì C cũng đi về tới nơi. C nói chuyện với Q1: “*em làm gì? ở đâu?*”, Q1 trả lời: “*em làm quản lý nhân Viên quán hát ở Q*”, C nói tiếp: “*Anh cũng làm về mảng này, em đưa nhân Viên đi thì em phải hỏi xem nó có vấn đề gì ở quán cũ không*”, Q1 trả lời: “*vâng*”. Do có hẹn gặp bạn tại Vĩnh Phúc nên C nói với Q1: “*thôi em trao đổi với mấy anh chị ở đây*” rồi C đi Vĩnh Phúc. Tiếp sau đó Th nói với Q1: “*mày đưa con L đi thì phải hỏi xem nó còn nợ ở đây bao nhiêu tiền*”; Q1 trả lời: “*Thế L còn nợ bao nhiêu tiền, để em gọi điện cho L, nếu L đồng ý về làm cho em thì em trả nợ cho L*”. Th nói: “*Khoảng năm triệu đồng*”. Q nói: “*Mày có biết phá H đồng bị phạt thế nào không, giờ phải trả mười triệu; tao cho mày 01 tiếng mày đưa con L về hoặc mày phải trả nợ 10 triệu cho nó* » Th đặt điện thoại của Q1 lên mặt bàn. Q1 lấy điện thoại từ trên bàn gọi cho L và nói: “*Em còn nợ quán cũ bao nhiêu tiền*”, L trả lời: “*Em còn nợ một triệu năm trăm nghìn đồng tiền xe, nhưng mà tiền công em làm họ chưa thanh toán*”. Q1 nói: “*Người ta đang giữ anh ở đây, họ nói em còn nợ năm triệu và phạt phá H đồng bỏ trốn năm triệu, giờ em về làm trả nợ hoặc em về làm với anh, anh sẽ trả thay em để chuyển khoản trả anh chị ở đây*”. L trả lời: “*em không về đấy làm đâu, nếu họ giữ anh ở đấy thì anh trả nợ cho em, em sẽ về làm cho anh*”. Q1 hỏi Th số tài khoản để Q1 nhờ người chuyển khoản. Th cung cấp số tài khoản 45110000684951 của Kiều Q C tại ngân hàng BIDV cho Q1. Sau đó, Q1 liên lạc cho Bé Văn Hoài (SN 1994, trú tại phố Bắc Sơn- thị trấn Đàm Hà- huyện Đàm Hà- tỉnh Q, là bạn của Q1) nói cho Hoài biết về Vệc Q1 đang bị giữ tại huyện T, phải chuyển số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho họ thì Q1 mới được về. Q1 nhờ Hoài bảo anh Lê Văn Ninh (SN 1988, trú tại phố Bắc Sơn- thị trấn Đàm Hà- huyện Đàm Hà- tỉnh Q, là bạn của Q1) chuyển số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) vào tài khoản mà Q1 gửi cho Hoài. Hoài đến gặp Ninh và nói lại nội dung sự Việc cho Ninh nghe. Ninh đã gọi điện cho Q1, sau đó Q1 đưa máy để Ninh nói chuyện với Th. Ninh nói với Th là tài khoản của mình chỉ còn 7.000.000đ (bảy triệu đồng), nếu Th đồng ý thì Ninh sẽ chuyển số tiền này cho Th để Th cho Q1 về. Tuy nhiên, Th không đồng ý và yêu cầu phải chuyển đủ số tiền 10.000.000đ

(mười triệu đồng). Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Ninh không đủ tiền nên Ninh nói với Th cho Q1 ngủ lại đó, đến S ngày hôm sau sẽ tới ngân hàng để chuyển khoản đủ số tiền. Th không đồng ý và nói: “chị có cách xử lý của chị” rồi tắt máy. Ninh gọi lại cho Q1 không được liền điện báo sự Vực đến cảnh sát 113. Sau đó, Q lấy chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei nova i3 của Q1 và yêu cầu Q1 cung cấp mật khẩu mở máy rồi đưa cho Th, bảo Th cất điện thoại của Q1 vào bếp. Q1 chủ động xin ngủ lại quán “Sands” để Th và Q mất cảnh giác với Q1, có cơ hội Q1 sẽ bỏ về. Nếu không về được thì Q1 sẽ chờ tới S ngày hôm sau chờ Ninh chuyển tiền thì Q1 lấy điện thoại và ra về. Q không đồng ý cho Q1 ngủ lại quán “Sands”. Q đến nhà nghỉ “Hương Quê” (cách 400 mét) thuê phòng rồi gọi S đưa Q1 đến. S và Q1 vào phòng 202 của nhà nghỉ “Hương Quê” ngồi nói chuyện còn Q quay về quán hát Sands và bảo Th đưa điện thoại của Q1 cho mình. Q tháo sim điện thoại vứt đi và xóa hết dữ liệu trong máy rồi dấu dưới đệm tại giường ngủ của mình. Đến khoảng hơn 23 giờ 30 phút, ngày 03/8/2020 lực lượng Công an xã T nhận được tin báo của Cảnh sát 113 đã đến quán karaoke Sands để kiểm tra nhưng không phát hiện gì. Q chưa thấy S về nên đã gọi S và báo cho S biết là Q1 đã báo Công an và bảo S về quán hát thì S quay chờ về quán hát. Khoảng 30 phút sau, Q1 cũng chèo qua tường bao của nhà nghỉ và đi về.

**Vật chứng thu giữ:** 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Nova 3i, màu: xanh-tím, Số imei 1: 866345040762538, imei 2: 866345040792543, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 66, ngày 10/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện T kết luận: 01 điện thoại Huawei Nova 3i, màu: xanh-tím, Số imei 1: 866345040762538, imei 2: 866345040792543, đã qua sử dụng, giá trị là: 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

**Về xử lý vật chứng:** Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra đã ra quyết định xử lý vật chứng để trao trả chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Nova 3i, màu: xanh-tím, Số imei 1: 866345040762538, imei 2: 866345040792543, đã qua sử dụng cho anh Phùn Và Q1 là chủ sở hữu H pháp

**Về dân sự:** Anh Phùn Và Q1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự;

Tại bản cáo trạng số 62/QĐ -VKS ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố bị cáo Kiều C Q, Kiều Thị Phương Th và Nguyễn Ngọc S về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 168 Bộ luật hình sự;

**Đề nghị Hội đồng xét xử:**

1.Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Kiểu C Q từ 7 năm 6 tháng - 8 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 04/8/2020.

Xử phạt: Kiểu Thị Phương Th từ 7 – 7 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 04/8/2020.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Ngọc S từ 05 năm 6 tháng - 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 04/8/2020.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*Về xử lý vật chứng:* Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu là anh Phùn Và Q1 chiếc điện thoại.

***Người bào chữa cho bị cáo Q và bị cáo Th:*** Xuất phát từ Vệc L nhân Vên của quán hát do các bị cáo Q, bị cáo Th quản lý nợ tiền của quán đi làm chỗ khác nhưng không trả tiền. Ngày 02/8/2020 Th và Q khi biết Q1 là người đã đưa L và nay lại đến đưa nhân Vên của quán tên là V đi nên Q, Th bàn nhau giữ Q1 lại để yêu cầu Q1 trả tiền thay cho L, mục đích của các bị cáo cũng chỉ muốn lấy lại số tiền mà nhân Vên của quán đã nợ. Tuy nhiên, do các bị cáo không hiểu biết pháp luật nên đã phạm tội. Bản thân các bị cáo đều có nhân thân tốt, quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mặc dù anh Q1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường nhưng bị cáo Q và bị cáo Th đã tự nguyện bảo gia đình nộp tiền bồi thường, khắc phục một phần hậu quả do hành V của các bị cáo gây ra, tài sản bị cáo chiếm đoạt được không lớn (tiền chưa lấy được, giá trị tài sản đã chiếm đoạt được dưới 2.000.000 đồng, người bị hại cũng không bị ảnh hưởng nhiều về sức khỏe). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Q và bị cáo Th được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trên.

Ngoài ra, quá trình thực hiện hành V phạm tội bị cáo Th không có hành V dùng vũ lực còn ngăn cản Q đánh Q1 đã làm giảm thiệt hại xảy ra, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân thường xuyên ốm đau, chồng thì vừa bị tai nạn hỏng mất một mắt nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Th được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này các bị cáo đều là những người lao động nhất thời phạm tội, phạm tội do không hiểu biết pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn quy định của khung hình phạt quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo..

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành V, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra Vên, Vên kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát Vên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành V, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành V, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Q, Th, S đã khai nhận do nghi ngờ Q1 lôi kéo nhân Vên của quán đến làm Vệc cho Q1 nên ngày 02/8/2020, khi được V thông báo Q1 đến để đón V thì Q và Th có bàn nhau bảo V rủ Q1 đến nhà nghỉ Tuấn Tú, mục đích để Q, Th ép Q1 phải trả nợ thay cho L. Khi Q1 đến nhà nghỉ Tuấn Tú thì Q dùng tuýt sắt đánh vào người Q1, S đâm 01 cái vào bụng, khi thấy điện thoại của Q1 có cuộc gọi đến thì Th yêu cầu Q1 giao điện thoại cho Th nhưng anh Q1 không giao thì Q chửi và dùng tay giật chiếc điện thoại trên tay Q1, sau đó Q, Th yêu cầu Q1 sang quán hát “Sands” để nói chuyện, tại quán hát Th, Q yêu cầu Q1 trả số tiền L còn nợ, Q1 nói nếu L đồng trả nợ thì Q1 sẽ trả thay, Th cho Q1 gọi điện cho L và L đồng ý và nhờ Q1 trả nợ quán thay cho L. Do Q1 chưa có tiền trả nên Q1 đã gọi điện cho anh Ninh để vay tiền và đồng ý ở lại chờ đến S hôm sau anh Ninh chuyển tiền thì trả cho Th. Như vậy, lời khai của các bị cáo phù H với lời khai của Bị hại, người làm chứng và tài liệu chứng cứ thu thập được. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Xuất phát từ Vệc L là nhân Vên của quán hát “Sands” nghi Vệc nhưng không trả nợ cho quán nên ngày 02/8/2021 Th và Q đã bàn bạc chỉ đạo V lừa Q1 đến nhà nghỉ Tuấn Tú. Tại nhà nghỉ “Tuấn Tú” thuộc thôn 2, xã T, huyện T, Thành phố H các bị cáo Kiều C Q, Kiều Thị Phương Th và Nguyễn Ngọc S đã dùng vũ lực đối với anh Phùn Và Q1 làm cho anh Q1 lâm vào tình trạng không thể chống cự được rồi chiếm đoạt chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Nova 3i, màu: xanh-tím, Số imei 1: 866345040762538, imei 2: 866345040792543 đã qua sử dụng trị giá: 1.950.000 đồng của anh Q1. Sau đó, các bị cáo đã đưa anh Q1 về quán hát “Sands” để ép anh Q1 trả nợ thay cho L số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Hành V của các bị cáo với động cơ, mục đích là chiếm đoạt tài sản của người khác. Tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, hành V của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo điểm d, khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự, với tình tiết tăng nặng định khung là dùng hung khí (phương

tiện) nguy hiểm. Viện kiểm sát nhân dân huyện T quy tố các bị cáo theo tội danh và Viện dẫn áp dụng điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là rất rất nghiêm trọng, hành V của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của người khác, làm mất trật tự, an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần xem xét, đánh giá tính chất mức độ, vai trò của từng bị cáo trong vụ án để có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành V phạm tội của từng bị cáo trong vụ án.

Đối với bị cáo Kiều C Q có vai trò chính trong vụ án, là người chủ động bàn bạc với Th, trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm đe dọa, gây thương tích cho anh Q1; trực tiếp lấy điện thoại của anh Q1. Bị cáo Th tham gia bàn bạc với Q1 bảo V đến nhà nghỉ Tuấn Tú để Th và Q1 gặp với mục đích buộc Q1 trả nợ thay cho L, cùng tham gia Vệc bắt Q1 trả nợ thay cho L, trực tiếp cầm điện thoại của Q1. Tuy nhiên, quá trình Q đánh anh Q1, Th cũng đã can ngăn nên tình chất, mức độ hành V phạm tội và vai trò của Th thấp hơn so với Q.

Đối với bị cáo S là người làm thuê, không có sự bàn bạc trước với Q, Th, khi thấy anh Q1 đến có tham gia đâm anh Q1 01 cái vào bụng nhưng không tích cực như Q, Th. S không có mục đích lấy tiền của anh Q1, là người giúp sức với vai trò không đáng kể.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo trong vụ án đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Q và bị cáo Th đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Th có hoàn cảnh khó khăn nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo S được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành V phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy:



Các bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật hạn chế, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng nên cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo. Trong vụ án này bị cáo Q và Th cùng chủ động, bàn bạc thực hiện hành V phạm tội, tuy nhiên Q thực hiện hành V phạm tội quyết liệt hơn Th, ngoài ra, bị cáo Th có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được hưởng mức hình phạt thấp hơn Q.

Bị cáo S là nhân Viên của quán có tham gia đâm anh Q1 01 cái bụng nhưng không có mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội tham gia với vai trò là người giúp sức có vai trò không đáng kể nên cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kế quy định tại khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng....*” do vậy, ngoài hình phạt chính bị cáo các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, quản chế, cấm đi khỏi nơi cư trú hoặc tịch thu một phần tài sản. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[9]. Về trách nhiệm dân sự anh Phùn Và Q1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Tuy nhiên, ngày 29/9/2021 bị cáo Q và bị cáo Th đã tự nguyện nộp số tiền là 5.000.000 đồng (mỗi bị cáo nộp 2.500.000 đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T để bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh Q1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10]. Đối với hành V của các bị cáo giữ anh Q1 trong thời gian khoảng 04 tiếng, mục đích để thực hiện hành V cướp tài sản đối với anh Q1. Tuy nhiên, khi các bị cáo yêu cầu anh Q1 đến quán hát “Sands” để nói chuyện thì anh Q1 cũng tự nguyện đi và trong quá trình nói chuyện tại quán hát “Sands” các bị cáo đều không có hành V trối, đánh đập hay dọa nạt anh Q1, sau đó các bị cáo đã thuê phòng cho anh Q1 nghỉ, hành V của các bị cáo vẫn nằm trong chuỗi quá trình ép Q1 chuyển số tiền 10 triệu đồng vào tài khoản mà Th cung cấp cho Q1 nên không cấu thành tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”.

Đối với Vệc Kiều C Q dùng tay đâm 01 phát vào tai phải, dùng tuýp bằng kim loại vọt 01 phát vào lưng và Nguyễn Ngọc S đâm 01 phát vào bụng anh Q1, do thương tích nhẹ, không ảnh hưởng đến sức khỏe nên ngày 04/8/2020 anh Q1 có đơn xin từ chối giám định thương tích. nên không có căn cứ để xử lý các bị cáo về hành V cố ý gây thương tích.

Đối với Kiều Q C là chủ quán hát “Sands” không biết Vệc Q và Th chỉ đạo V lừa anh Q1 đến nhà nghỉ Tuấn Tú để Q và Th đánh gây thương tích và chiếm đoạt tài

sản của anh Q1. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hình sự đối với C là có căn cứ.

Đối với La Thị Bé V có hành V lừa Q1 đến nhà nghỉ để cho Q và Th gặp. Tuy nhiên, V bị Th và Q ép buộc, V không biết Vệc Q1 đến sẽ bị Q và Th đánh gây thương tích và chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hình sự đối với V là có căn cứ.

[11]. *Về xử lý vật chứng*: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Nova 3i, màu: xanh-tím. Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại chủ sở hữu là anh Phùn Và Q1 là có căn cứ.

[12]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Kiều C Q, Kiều Thị Phương Th, Nguyễn Ngọc S phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Kiều C Q 07** ( bảy ) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/8/2020.

Xử phạt: **Kiều Thị Phương Th 07** (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/8/2020.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Ngọc S 05** (năm ) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2020.

**Về trách nhiệm dân sự**: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Kiều C Q và Kiều Thị Phương Th bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh Phùn Và Q1 tổng số tiền là 5.000.000 đồng (mỗi bị cáo 2.500.000 đồng).

Tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T để đảm bảo Việc thi hành án. Theo biên lai thu số AA/2020/0018557 và số AA/2020/ 0018557 ngày 29/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Bị cáo Kiều C Q, Kiều Thị Phương Th và Nguyễn Ngọc S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết H lệ tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố H;
- CA, VKSND, THA huyện T;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã Y và UBND xã Đ, huyện T;
- UBND xã T, TP H, tỉnh H;
- Lưu HS, VP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu T**